**BÀI 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC**

**TIẾT 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂUPHI I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN**

* Phần lớn lãnh thổ châu Phi là hoang mạc và xavan, khí hậu khô nóng.
* Khoáng sản và rừng đang bị khai thác quá mức làm cạn kiệt tài nguyên, huỷ hoại môi trường.
* Giải pháp quan trọng:
  + Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
  + Phát triển thuỷ lợi.

**II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

* Châu Phi dẫn đầu thế giới về tỉ suất sinh thô (38%o), tỉ suất tử thô (15%o) và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (2,3%)  dân số tăng nhanh.
* Tuổi thọ trung bình thấp.
* Trình độ dân trí thấp, nhiều hủ tục chưa được xoá bỏ, tình trạng nghèo đói còn phổ biến.
* Diễn ra nhiều xung đột sắc tộc.
* Nhiều bệnh tật đe doạ.
  + Các tổ chức y tế, giáo dục lương thực và nhiều quốc gia giúp đỡ các nước châu Phi (trong đó có Việt Nam).

**III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ**

* Châu Phi chỉ đóng góp 1,9 % GDP toàn cầu (năm 2004).
* Châu Phi có 34/54 quốc gia thuộc loại kém phát triển của thế giới.
* Đa số các nước Châu Phi có mức tăng trưởng kinh tế thấp.
* Nguyên nhân:
  + Từng bị thực dân thống trị tàn bạo
  + Xung đột sắc tộc
  + Khả năng quản lí kém
  + Dân số tăng nhanh
  + Trình độ dân trí thấp
  + Tự nhiên khắc nghiệt
* Trong thập niên vừa qua, tỉ lệ tăng trưởng GDP của Châu Phi tương đối cao.

**CÂU HỎI – BÀI TẬP**

Câu 1. Nguyên nhân chính làm cho nhiều nước châu Phi vẫn trong tình trạng đói nghèo

và lạc hậu là

A. duy trì quá lâu chế độ phong kiến.

B. sự thống trị lâu dài của chủ nghĩa thực dân.

C. sự thống trị của các tôn giáo bảo thủ.

D. bộ máy lãnh đạo non trẻ, thiếu kinh nghiêm.

Câu 2. Đại bộ phận lãnh thổ châu Phi là cảnh quan

A. hoang mạc và rừng cận nhiệt đới khô.

B. hoang mạc, bán hoang mạc và xavan.

C. xavan và rừng xích đạo.

D. rừng cận nhiệt đới khô và xavan.

Câu 3. Châu Phi được gọi là “Lục địa nóng” vì

A. có nhiều bồn địa và cao nguyên lớn.

B. ít hồ lớn để điều hoà khí hậu.

C. chủ yếu nằm ở vùng vĩ độ thẩp.

D. lãnh thổ có nhiều hoang mạc khô nóng.

Câu 4. Một trong những đặc điểm dân cư nổi bật của châu Phi là

A. dân số đông, tăng rất chậm.

B. gia tăng dân số tự nhiên thấp.

C. tỉ lệ nhóm người trên 60 tuổi cao.

D. tuổi thọ trung bình thấp.

Câu 5. Ý nào sau đây không phải đặc điểm dân cư và xã hội châu Phi?

A. Trình độ dân trí rất thấp.

B. Nhiều hủ tục lạc hậu, bệnh tật.

C. Xung đột sắc tộc, đói nghèo.

D. Chỉ số phát triển con người cao.

Câu 6. Châu Phi chiếm 14% dân số thế giới nhưng tập trung tới

A. 1/3 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

B. 1/2 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

C. gần 2/3 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

D. hơn 2/3 tổng số người nhiễm HIV trên toàn thế giới.

**Câu 7.** Phần lớn lãnh thổ châu Phi khí hậu có đặc điểm nào sau đây?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Mưa nhiều. | **B.** Khô nóng. | **C.** Lạnh giá. | **D.** Ôn hòa. |

**Câu 8.** Địa danh nào sau đây là tên hoang mạc lớn nhất ở châu Phi?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Công-gô. | **B.** Ê-ti-ô-pi. | **C.** Xa-ha-ra. | **D.** Cai-rô. |

**Câu 9. Đất đai ở ven các hoang mạc, bán hoang mạc ở châu Phi, nhiều nơi bị hoang mạc hóa do**

A. khí hậu khô hạn. B. quá trình xói mòn, rửa trôi xảy ra mạnh.

C. rừng bị khai phá quá mức. D. quá trình xâm thực diễn ra mạnh mẽ.

**Câu 10. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã**

A. mang lại lợi nhuận cho các nước có tài nguyên.

B. mang lại lợi nhuận cao cho người lao động.

C. mang lại lợi nhuận cao cho các công ty tư bản nước ngoài.

D. mang lại lợi nhuận cho một nhóm người lao động.

**Câu 11. Sự phân bố khoáng sản ở châu Phi có đặc điểm**

A. phía bắc giàu dầu khí, sắt; phía nam giàu các quý kim.

B. phía nam giàu dầu khí, sắt; phía bắc giàu các quý kim.

C. khoáng sản đa dạng phân bố tương đối đều khắp.

D. giàu khóng sản nhất thế giới nhưng chỉ tạp trung ở phía nam

**Câu** 12. Địa danh nào sau đây là tên hoang mạc lớn nhất ở châu Phi?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Công-gô. | **B.** Ê-ti-ô-pi. | **C.** Xa-ha-ra. | **D.** Cai-rô. |

**Câu** 13. Châu Phi tiếp giáp với hai đại dương là

A. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

B. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

D. Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.

**Câu** 14. Tiềm năng để phát triển kinh tế châu Phi là

**A.** khoáng sản và thủy sản.

**B.** khoáng sản và rừng.

**C.** rừng và thủy sản.

**D.** đất và thủy sản.

**Câu** 15. Nhận xét **đúng** nhất về thực trạng tài nguyên của Châu Phi?

A. Khoáng sản nhiều, đồng cỏ và rừng xích đạo diện tích rộng lớn.

B. Khoáng sản và rừng đang bị khai thác quá mức.

C. Khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

D. Trữ lượng lớn về vàng, kim cương, dầu mỏ, phốt phát nhưng chưa được khai thác.

**Câu** 16. Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm phân bố ở khu vực nào sau đây?

**A.** Bồn địa Calahari.

**B.** Sơn nguyên Đông Phi.

**C.** Bồn địa Công gô.

**D.** Dãy Atlat

**17. Câu Thách thức lớn đối với châu Phi hiện nay là**

A. tệ nạn xã hội, mại dâm, ma túy.

B. cơ sở hạ tầng yếu kém, ô nhiễm môi trường.

C. xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật.

D. công nghệ sản xuất lạc hậu, thiếu lao động chuyên môn cao.

**Câu** 18. Sông nào sau đây ở châu Phi chảy qua được nhiều quốc gia nhất? **(nhận biết)**

A. sông Côn-gô (Congo). B. sông Ồ-ran-gơ (Orange).

C. sông Nin (Nil). D. sông Mô-dăm-bich (Mozambie).

**Câu** 19. Ý nào sau đây ***không phải*** đặc điểm dân cư xã hội của châu Phi ?

A. trình độ dân trí thấp.

B. dịch bệnh hoành hành.

C. xung đột sắc tộc.

D. chỉ số HDI khá cao.

**Câu 20. Các nước châu Phi cần có giải pháp gì để khắc phục khó khăn trong quá trình khai thác và bảo vệ tự nhiên?**

A. tăng cường bảo vệ tài nguyên rừng và tài nguyên khoáng sản

B. Thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân

C. Khai thác, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, tăng cường công tác thủy lợi

D. Hạn chế sự khai thác của tư bản nước ngoài

**Câu 21. Nguyên nhân chính làm cho hoang mạc, bán hoang mạc và xa van là cảnh quan phổ biến ở châu Phi do**

A. địa hình cao. B. khí hậu khô nóng.

C. hình dạng khối lớn. D. các dòng biển lạnh chạy ven bờ.

**Câu 22. Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi đã**

A. nhanh chóng tàn phá môi trường. B. làm tăng diện tích đất trồng trọt.

C. giữ được nguồn nước ngầm. D. thúc đẩy nhanh quá trình phong hóa đất.

**Câu** 23. Những thách thức lớn đối với châu Phi hiện nay là

A. cạn kiệt tài nguyên , thiếu lực lượng lao động.

B. già hóa dân số, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp.

C. trình độ dân chí thấp, đói nghèo, bệnh tật, xung đột.

D. các nước cắt giảm viện trợ, thiếu lực lượng lao động.

**Câu** 24. Khó khăn nào sau đây hạn chế sự phát triển nông nghiệp của châu Phi?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Địa hình có các cao nguyên lớn. | **B.** Khí hậu có tính chất khô nóng. |
| **C.** Diện tích rừng nhiệt đới thu hẹp. | **D.** Sông ngòi chảy trên địa hình dốc. |

Câu 25. Hậu quả của việc khai thác khoáng sản quá mức ở châu Phi là

A. mất không gian sống của sinh vật.

B. nhiều loài sinh vật bị tuyệt chủng.

C. môi trường bị tàn phá.

D. diện tích rừng bị thu hẹp.

Câu 26. Hiện nay, những vấn đề nào đã và đang đe doạ cuộc sống của người dân châu

Phi?

A. Tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh.

B. Tình trạng mù chữ, thất học gia tăng.

C. Xung đột sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật.

D. Phân bố dân cư không đều, nội chiến.

Câu 27. Ý nào sau đây không phải nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của châu Phi?

A. Nạn nhập cư bất hợp pháp.

B. Quản lí đất nước yếu kém.

C. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

D. Trình độ dân trí thấp.

Câu 28. Đất đai nhiều khu vực ở châu Phi bị hoang hóa là do tác động của

A. hoang mạc và bán hoang mạc. B. khai phá rừng quá mức.

C. khí hậu khắc nghiệt. D. các cuộc xung đột triền miên.

Câu 29. Đa số các nước châu Phi là những nước nghèo, kinh tế kém phát triển, chủ yếu

vì

A. thiếu tài nguyên thiên nhiên. B. xung đột sắc tộc dai dẳng.

C. trình độ dân trí thấp. D. bị thực dân thống trị nhiều thế kỉ.

Câu 30. Nhận xét đúng nhất về thực trạng tài nguyên của Châu Phi

A. khoáng sản nhiều, đồng cỏ và rừng xích đạo diện tích rộng lớn.

B. khoáng sản và rừng là những tài nguyên đang bị khai thác mạnh.

C. khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

D. trữ lượng lớn về vàng, kim cương, dầu mỏ, phốt phát nhưng chưa được khai thác.

Câu 31. Nhận xét đúng nhất khi so sánh một số chỉ tiêu về dân số Châu Phi với thế giới

vào năm 2005 là

A. tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô cao hơn, tỉ suất gia tăng tự nhiên và tuổi thọ trung bình

thấp hơn.

B. tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô thấp hơn, tỉ suất gia tăng tự nhiên và tuổi thọ trung bình

cao hơn.

C. tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô, tỉ suất tăng tự nhiên cao hơn và tuổi thọ trung bình thấp

hơn.

D. tỉ suất sinh thô thấp hơn, tỉ suất tử thô, tỉ suất tăng tự nhiên và tuổi thọ cao hơn.

Câu 32. Phần lớn lãnh thổ châu Phi có khí hậu khô nóng với cảnh quan hoang mạc, bán

hoang mạc và xa van chủ yếu vì

A. các sông của châu Phi hầu như quanh năm thiếu nước.

B. địa hình tương đối cao.

C. rừng đang bị khai thác quá mức.

D. đại bộ phận đất đai nằm giữa hai chí tuyến, ít biển lấn sâu vào đất liền

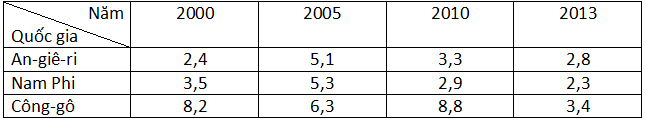
Câu 33. Năm 2005, tỷ suất tăng dân số tự nhiên của Châu phi so với trung bình của thế

giới lớn gấp

A. 1,5 lần B. 1,7 lần.

C. gần 2 lần D. hơn 2 lần

**Câu 34. Cho bảng số liệu: Tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước châu Phi qua các năm, đơn vị: %**



**Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?**

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước khá ổn định.

B. Không có sự khác nhau về tốc độ tăng trưởng giữa các nước.

C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trên nhìn chung không ổn định.

D. Trong số các nước, An-giê-ri luôn có tốc độ tăng trưởng thấp nhất.

**Câu** 35. Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho các nước châu Phi chậm phát triển về mặt kinh tế là do:

A. điều kiện tự nhiên không thuận lợi

B. dân số tăng nhanh, chất lượng nguồn nhân lực kém

C. hậu quả nặng nề do sự thống trị của chủ nghĩa thực dân

D. sự chèn ép kinh tế của các nước phát triển

**Câu** 36. Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ NƯỚC CHÂU PHI THỜI KÌ 2000 -2017

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Quốc gia** | **2000** | **2005** | **2010** | **2017** |
| An-giê-ri | 2,4 | 5,9 | 3,6 | 1,3 |
| Nam Phi | 3,5 | 5,3 | 3,0 | 1,4 |

*(Nguồn: tài liệu cập nhật SGK môn Địa Lí)*

Năm 2017 so với năm 2000 tốc độ tăng trưởng GDP của Nam Phi giảm

A. 4,9% B. 0,7% C. 11,3% D. 2,1%

**Câu** 37. Cho biểu đồ:

|  |
| --- |
| BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP  CỦA AN-GIÊ-RI VÀ GA-NA, GIAI ĐOẠN 1985-2000. |
| Description: C:\Users\Administrator\Desktop\2016-11-15_215735.png |

Dựa vào biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không đúng** về tốc độ tăng trưởng GDP của An-giê-ri và Ga-na?

**A.** Tốc độ tăng trưởng của hai nước không ổn định.

**B.** Từ năm 1995 đến 2000, hai nước tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng giảm.

**C.** Tốc độ tăng trưởng GDP của hai nước đều trên 6%.

**D.** Tốc độ tăng trưởng của Ga-na luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng của An-giê-ri

**Câu** 38. Cho bảng số liệu:

*Tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước và thế giới năm 2000 - 2017*

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Nước** | **2000** | **2010** | **2015** | **2017** |
| An-giê-ri | 2,4 | 3,6 | 3,7 | 1,3 |
| CH Công-gô | 8,2 | 8,8 | 2,6 | -3,1 |
| Ga-na | 3,7 | 7,9 | 2,2 | 8,1 |
| Nam Phi | 3,5 | 3,0 | 1,2 | 1,4 |
| ***Thế giới*** | ***4,0*** | ***4,3*** | ***2,8*** | ***3,1*** |

*(Nguồn:* Nguyễn Viết Thịnh – Đỗ Thị Minh Đức (Đồng chủ biên), *Tài liệu cập nhật một số thông tin, số liệu trong sách giáo khoa môn Địa Lí,* NXB GD, 2020).

Theo bảng số liệu trên, để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số nước và thế giới năm 2000 – 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Tròn B. Đường

C. Cột D. Miền

**Câu** 39. Bảng số liệu sau:

**TỈ LỆ BIẾT CHỮ CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ NƯỚC CHÂU PHI NĂM 2015**

**(Đơn vị: %)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nước** | **Thế giới** | **An-giê-ri** | **Nam Phi** | **Ăng-gô-la** | **Xu-đăng** | **U-gan-đa** |
| **Tỉ lệ biết chữ** | **84,5** | **86,0** | **94,3** | **71,1** | **75,9** | **78,4** |

Nhận xét nào dưới đây **không đúng** vềtỉ lệ biết chữ của thế giới và một số nước châu phi năm 2015?

A. Các nước châu Phi đều có tỉ lệ biết chữ cao hơn trung bình của thế giới.

B. Nam Phi có tỉ lệ biết chữ cao nhất, cao hơn trung bình của thế giới.

C. Tỉ lệ biết chữ có sự chênh lệch giữa các quốc gia châu Phi.

D. Ăng-gô-la có tỉ lệ biết chữ thấp nhất, thấp hơn trung bình của thế giới.

**VẬN DỤNG**

**Câu 1:**  Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN CỦA AN-GIÊ-RI QUA CÁC NĂM.

(Đơn vị: triệu người)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2019** |
| Số dân | 31,04 | 33,15 | 35,98 | 39,73 | 43,05 |

Vẽ biểu đồ cột thể hiện số dân của An-giê-ri qua các năm. Rút ra nhận xét.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu

Dân số và tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia ở châu Phi năm 2017

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quốc gia | Dân số (triệu người) | Tỉ lệ thành thị (%) |
| An-giê-ri | 42,2 | 71,0 |
| Ai Cập | 93,4 | 43,0 |
| Kê-ni-a | 49,7 | 26,0 |

*(Nguồn: Số liệu thống kê –Nguyễn Quý Thao)*

1. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện dân số và tỉ lệ dân thành thị một số nước ở châu Phi.
2. Nhận xét số dân và tỉ lệ dân thành thị các nước trên.

**Câu** 3: Cho bảng số liệu:

**TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA CHÂU PHI, CÁC NHÓM NƯỚC VÀ THẾ GIỚI NĂM 2017** *(Đơn vị: tuổi)*

|  |  |
| --- | --- |
| CHÂU LỤC-NHÓM NƯỚC | Năm 2017 |
| Châu Phi | 62 |
| Các nhóm nước đang phát triển | 71 |
| Các nhóm nước phát triển | 80 |

a) Vẽ biểu đò thích hợp thể hiện tuổi thọ trung bình của Châu Phi và các nhóm nước năm 2017

b) Nhận xét và giải thích.

**Câu** 4. Phân tích những tác động của những vấn đề dân cư và xã hội của châu Phi tới sự phát triển kinh tế của châu lục này.

**Câu5.**  **(vận dụng)** Cho bảng số liệu: **Cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản và Nigeria năm 2020 (đơn vị: *%*).** (Nguồn: WB)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | ***0 – 15 tuổi*** | ***15 – 64 tuổi*** | ***Trên 64 tuổi*** |
| Nhật Bản | 12 | 59 | 29 |
| Nigeria | 43 | 54 | 3 |

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo độ tuổi của Nhật Bản và Nigeria.

b) Nhận xét sự khác nhau về vấn đề dân số của hai quốc gia trên.